

Số: 47/2013/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn,
tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số: 6647 Ngày: 27/9/13 Chuyên:

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 1170/TTr-SNV ngày 30/8/2013 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 126/BC-STP ngày 14/8/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

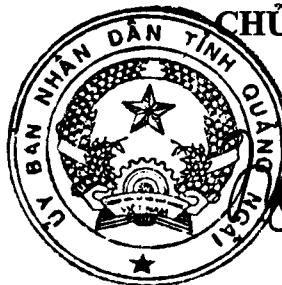
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 126/2003/QĐ-UB ngày 07/7/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban ngành;
- VPUB: CBTH;
- Lưu: VT, NC_{lmc530}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Khoa

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn, tổ dân phố không phải là một cấp hành chính, mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản và tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

2. Thôn được tổ chức ở xã; dưới xã là thôn.

3. Tổ dân phố được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là tổ dân phố.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Thôn, tổ dân phố chịu sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải tuân thủ pháp luật, dân chủ, công khai, minh bạch; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền cấp xã và sự hướng dẫn, triển khai công tác của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

2. Không chia tách các thôn, tổ dân phố đang hoạt động ổn định để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

3. Khuyến khích việc sáp nhập thôn, tổ dân phố để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cấp xã và nâng cao hiệu quả đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của thôn, tổ dân phố.

4. Các thôn, tổ dân phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch dân cư, tái định cư hoặc điều chỉnh địa giới hành chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc do việc di dân đã hình thành các cụm dân cư mới ở vùng núi cao, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, nơi có địa hình chia cắt, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, đòi hỏi phải thành lập thôn mới, tổ dân phố

mới thì điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới có thể thấp hơn các quy định tại Điều 8 Quy chế này.

5. Trường hợp không thành lập thôn mới, tổ dân phố mới theo quy định tại khoản 4 Điều này thì ghép các cụm dân cư hình thành mới vào thôn, tổ dân phố hiện có cho phù hợp, bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã và các hoạt động của thôn, tổ dân phố, của cụm dân cư.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn, 01 Phó trưởng thôn. Đối với thôn có trên 500 hộ gia đình thì có thể bổ trí thêm 01 Phó trưởng thôn.

2. Mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng, 01 Tổ phó tổ dân phố. Đối với tổ dân phố có trên 600 hộ gia đình thì có thể bổ trí thêm 01 Tổ phó tổ dân phố.

3. Việc bổ trí thêm 01 Phó trưởng thôn, 01 Tổ phó tổ dân phố do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Cộng đồng dân cư thôn, tổ dân phố bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định những nội dung theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

2. Bàn và quyết định trực tiếp việc thực hiện các công việc tự quản không trái với quy định của pháp luật trong việc xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, hiện đại, phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng, xóa đói, giảm nghèo.

3. Bàn biện pháp thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; những công việc do cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp trên triển khai đối với thôn, tổ dân phố; thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước; bảo đảm đoàn kết, dân chủ, công khai, minh bạch, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của địa phương; xây dựng, giữ vững và phát huy danh hiệu “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”; phòng chống các tệ nạn xã hội và xóa bỏ hủ tục lạc hậu.

4. Thực hiện dân chủ ở cơ sở; xây dựng và thực hiện quy chế, hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; tích cực tham gia cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và các phong trào, các cuộc vận động do các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

5. Thực hiện sự lãnh đạo của chi bộ thôn, tổ dân phố hoặc chi bộ liên thôn, liên tổ, Đảng ủy cấp xã (nơi chưa có chi bộ thôn, chi bộ tổ dân phố); củng cố và duy trì hoạt động có hiệu quả của các tổ chức tự quản khác của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố.

7. Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

8. Các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố được thực hiện thông qua Hội nghị thôn, tổ dân phố.

Điều 6. Hội nghị thôn, tổ dân phố

1. Hội nghị thôn, tổ dân phố được tổ chức mỗi năm 2 lần (thời gian vào giữa năm và cuối năm); khi cần có thể họp bất thường. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Hội nghị do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự. Kết quả cuộc họp của thôn, tổ dân phố chỉ có giá trị khi được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành và không trái pháp luật.

Đối với thôn, tổ dân phố có dân số đông thì có thể tổ chức họp thôn, tổ dân phố theo từng cụm dân cư trong thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức nhiều lần họp. Trong trường hợp này thì kết quả cuộc họp của thôn, tổ dân phố có giá trị khi tổng hợp các lần họp có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành và không trái pháp luật.

2. Việc tổ chức đề nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 7. Nơi sinh hoạt, hội họp của nhân dân trong thôn, tổ dân phố

Thôn, tổ dân phố sử dụng nhà văn hóa dùng làm nơi sinh hoạt, hội họp của nhân dân và là nơi cất giữ tài liệu, trưng bày tài sản chung của thôn, tổ dân phố. Chính quyền các cấp, các cơ quan nhà nước đóng trên địa bàn có trách nhiệm tạo điều kiện để nhân dân sử dụng hợp lý các cơ sở hiện có như: trường học, đình làng, trụ sở UBND, cơ quan nhà nước khác... để làm nơi sinh hoạt, hội họp. Tiếp tục phát huy sự đóng góp tự nguyện của nhân dân, thực hiện phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm để xây dựng nơi sinh hoạt, hội họp ổn định. Đối với những địa phương có điều kiện thì giao đất và hỗ trợ kinh phí xây dựng, nhân dân đóng góp trang bị phương tiện cơ sở vật chất ban đầu và tự tổ chức quản lý, bảo vệ.

Điều 8. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

Việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới được thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 của Quy chế này và phải bảo đảm các điều kiện sau:

1. Quy mô số hộ gia đình:

a) Đối với thôn: Ở vùng đồng bằng phải có từ 200 hộ gia đình trở lên; ở vùng miền núi, hải đảo phải có từ 100 hộ gia đình trở lên;

b) Đối với tổ dân phố: Ở vùng đồng bằng phải có từ 250 hộ gia đình trở lên; ở vùng miền núi, hải đảo phải có từ 150 hộ gia đình trở lên.

Trường hợp thành lập phường, thị trấn từ xã thì chuyển các thôn hiện có của xã thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn.

2. Các điều kiện khác:

Thôn và tổ dân phố phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và ổn định cuộc sống của người dân. Riêng đối với thôn phải bảo đảm diện tích đất ở và đất sản xuất bình quân của mỗi hộ gia đình ít nhất bằng mức bình quân chung của xã.

Điều 9. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới (bao gồm cả việc sáp nhập)

1. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước ở địa phương; căn cứ quy định tại Điều 3 và Điều 8 Quy chế này, UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện để trình UBND tỉnh xin chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

Tờ trình gửi UBND tỉnh xin chủ trương cần nêu rõ lý do, sự cần thiết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; vị trí, đặc điểm kinh tế xã hội, dự kiến diện tích, số hộ gia đình, số nhân khẩu của thôn mới, tổ dân phố mới và diện tích, số hộ gia đình, số nhân khẩu còn lại của thôn, tổ dân phố hiện có.

2. Sau khi UBND tỉnh có văn bản thống nhất chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Nội dung chủ yếu của Đề án bao gồm:

- a) Sự cần thiết phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;
- b) Tên gọi của thôn mới, tổ dân phố mới;
- c) Vị trí địa lý, ranh giới của thôn mới, tổ dân phố mới (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý);
- d) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, tổ dân phố mới;
- đ) Diện tích tự nhiên của thôn mới, tổ dân phố mới (đối với thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là hecta;
- e) Các điều kiện khác quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này;
- g) Đề xuất, kiến nghị.

3. UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới về Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án (nêu rõ tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được

triệu tập; số cử tri tham dự, số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành Đề án).

4. Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tán thành thì UBND cấp xã hoàn thiện hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình HĐND cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất.

Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của HĐND cấp xã, UBND cấp xã hoàn thiện hồ sơ trình UBND cấp huyện.

5. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do UBND cấp xã chuyển đến, UBND cấp huyện có tờ trình trình UBND tỉnh; đồng thời gửi Sở Nội vụ (kèm theo 02 bộ hồ sơ).

6. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nội vụ thẩm định, trình UBND tỉnh.

7. UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới trong kỳ họp gần nhất.

8. Sau khi có Nghị quyết của HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

Điều 10. Quy trình, hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

1. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước ở địa phương, UBND cấp xã báo cáo đề xin chủ trương UBND cấp huyện việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy chế này. Sau khi có văn bản thống nhất về chủ trương của UBND cấp huyện, UBND cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- a) Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có;
- b) Thực trạng về vị trí địa lý, dân số và diện tích tự nhiên của thôn, tổ dân phố hiện có;
- c) Vị trí địa lý, ranh giới của thôn, tổ dân phố sau khi ghép (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý);
- d) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố sau khi ghép;
- đ) Diện tích tự nhiên của thôn, tổ dân phố sau khi ghép (đối với thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là hecta (ha);
- e) Đề xuất, kiến nghị.

2. UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố và cử tri khu vực thực hiện ghép cụm dân cư về nội dung Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố và cử tri khu

vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành, thì UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình HĐND cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của HĐND cấp xã, UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp huyện.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn đó tán thành, thì UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần 02; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành, thì trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần 02, UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

Hồ sơ trình UBND cấp huyện gồm:

- a) Tờ trình của UBND cấp xã;
- b) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có của UBND cấp xã.

4. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do UBND cấp xã chuyển đến, UBND cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thông qua và giao Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; đồng thời gửi kết quả về Sở Nội vụ.

Điều 11. Quy trình và hồ sơ đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước ở địa phương và quá trình lịch sử hình thành của thôn, tổ dân phố, việc đổi tên thôn, tổ dân phố cho phù hợp với địa danh là nhu cầu của địa phương; khi có nhu cầu đổi tên thôn, tổ dân phố, UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện xin chủ trương đổi tên thôn, tổ dân phố.

2. Sau khi UBND huyện có văn bản thống nhất chủ trương đổi tên thôn, tổ dân phố, UBND cấp xã lập hồ sơ đổi tên thôn, tổ dân phố. Nội dung chủ yếu của hồ sơ bao gồm:

- a) Sự cần thiết phải đổi tên thôn, tổ dân phố;
- b) Tên gọi của thôn, tổ dân phố;
- c) Vị trí địa lý, ranh giới của thôn, tổ dân phố;
- d) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố;
- đ) Diện tích tự nhiên của thôn, tổ dân phố;
- e) Tên thôn, tổ dân phố mới;
- g) Đề xuất, kiến nghị.

3. UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến (nêu rõ tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình triệu tập; số cử tri có mặt tham dự, số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành).

4. Nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được triệu tập tán thành thì UBND cấp xã hoàn thiện hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình HĐND cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất.

Sau khi có Nghị quyết của HĐND cấp xã, UBND cấp xã trình UBND cấp huyện.

5. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do UBND cấp xã chuyển đến, UBND cấp huyện có Tờ trình trình UBND tỉnh đồng thời gửi Sở Nội vụ (kèm 02 bộ hồ sơ).

6. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nội vụ thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Chương III

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ QUY TRÌNH BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, TỔ PHÓ TỔ DÂN PHỐ

Điều 12. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, được nhân dân tín nhiệm;

2. Có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, tổ dân phố; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương;

3. Có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc cấp trên giao.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm vụ:

- Bảo đảm các hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Quy chế này.

- Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn, tổ dân phố;

- Triển khai thực hiện những nội dung do cộng đồng dân cư của thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp; tổ chức nhân dân trong thôn, tổ dân phố thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những nhiệm vụ do cấp trên giao;

- Vận động và tổ chức nhân dân thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức xây dựng và thực hiện quy chế, quy ước, hương ước của thôn, tổ dân phố không trái với quy định của pháp luật;

- Phối hợp với ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố, tổ chức nhân dân tham gia thực hiện cuộc vận động

“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, phong trào “Dân vận khéo” và các phong trào, các cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động;

- Tổ chức vận động nhân dân giữ gìn an ninh, trật tự và an toàn xã hội; phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong thôn, tổ dân phố, không để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân; báo cáo kịp thời với UBND cấp xã những hành vi vi phạm pháp luật trong thôn, tổ dân phố;

- Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân trong thôn, tổ dân phố; lập biên bản về những vấn đề đã được nhân dân của thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp, bàn và biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định; báo cáo kết quả cho Chủ tịch UBND cấp xã;

- Phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận và trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội trong cộng đồng dân cư; đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức tự quản (nếu có) của thôn, tổ dân phố như: Tổ dân vận, Tổ an ninh nhân dân, Tổ hòa giải, Tổ quân chủng bảo vệ an ninh và trật tự, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, Tổ bảo vệ sản xuất và các tổ chức tự quản khác theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện công tác quản lý tài chính ở thôn, tổ dân phố theo quy định;

- Hàng tháng báo cáo kết quả công tác với UBND cấp xã; sáu tháng đầu năm và cuối năm phải báo cáo công tác trước hội nghị thôn, tổ dân phố.

2. Quyền hạn:

- Được ký hợp đồng về dịch vụ phục vụ sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng và công trình phúc lợi công cộng do thôn, tổ dân phố đầu tư đã được hội nghị thôn, tổ dân phố thông qua;

- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố giới thiệu Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố giúp việc; phân công nhiệm vụ và quy định quyền hạn giải quyết công việc của Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; được UBND cấp xã mời dự họp về các vấn đề liên quan;

- Thực hiện các nhiệm vụ do UBND cấp xã giao và các nhiệm vụ khác tại cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Đề cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và giới thiệu Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố:

a) Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố giới thiệu Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố giúp việc (sau khi có sự thống nhất với Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố).

2. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 của hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố thực hiện như đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố:

a) Trưởng thôn và Tổ trưởng tổ dân phố có nhiệm kỳ là hai năm rưỡi. Trường hợp thành lập thôn mới, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời hoạt động cho đến khi cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố bầu được Trưởng thôn mới, Tổ trưởng tổ dân phố mới trong thời hạn không quá sáu tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời;

b) Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố, thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

4. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận.

Điều 15. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; được hưởng phụ cấp hàng tháng, mức phụ cấp do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết; nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm; thực hiện các chế độ, chính sách

Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm; thực hiện các chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố do ngân sách cấp xã đảm bảo và được cấp trên cân đối trong dự toán chi ngân sách cấp xã hàng năm.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Quy chế này được thực hiện thống nhất đối với các thôn thuộc xã, tổ dân phố thuộc phường, thị trấn trong toàn tỉnh.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo và kiểm tra việc tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Quy chế này.

Định kỳ tháng 11 hàng năm, báo cáo kết quả tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn với Sở Nội vụ.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn theo quy định tại Quy chế này.

Định kỳ tháng 10 hàng năm, báo cáo kết quả tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn với UBND cấp huyện.

2. Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh hướng dẫn nội dung, quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện hương ước, quy ước ở thôn và tổ dân phố; hàng năm tổng hợp và báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Trung ương.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và theo dõi, tổng hợp việc thực hiện ở các địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các địa phương lập kế hoạch, cân đối ngân sách, chi trả và quyết toán phụ cấp cho Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo đúng quy định của pháp luật.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các cấp, các ngành báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cao Khoa